TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 11 - 2019
V/v Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Đo Niê, ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Việt P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Chị N với anh Nguyễn Việt P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 03/8/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi chuyện nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của chị N xin ly hôn với anh Nguyễn Việt P.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh P có hai con là Nguyễn Việt H sinh ngày 18/3/2012 và Nguyễn Việt D sinh ngày 11/12/2014. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị N làm kế toán ở UBND xã C1, huyện M thu nhập hàng tháng là 6.300.000 đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 2.000.000 đồng/2con/1tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện chị N yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là 01 căn xây tọa lạc tại Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M và yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ chung là 250.000.000 đồng vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam. Trong quá trình giải quyết chị N và anh P cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung và nợ chung. Ngày 14/10/2019 chị Nguyễn Thị Minh N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung và nợ chung.

* Trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Việt P trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh P thống nhất ý kiến trình bày của chị N. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi chuyện nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, chị N làm trong cơ quan nhà nước muốn phấn đấu vào Đảng nên muốn ly hôn với anh P, do trước đây anh P từng có 02 tiền án và đi tù 10 năm. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh P đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh P, chị N có hai con chung là Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/3/2012 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 11/12/2014. Anh P có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Anh P là thợ đồ mỹ nghệ, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh P, chị N tạo dựng được 01 căn xây tọa lạc tại Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M và có khoản nợ chung là 250.000.000 đồng. Nay anh P, chị N tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Việt P.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/3/2012 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị Minh N.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Nguyễn Thị Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Việt P có nơi cư trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk và nuôi con, chia tài sản chung. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 03/10/2019 chị N khởi kiện xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung với anh Nguyễn Việt P và yêu cầu giải quyết khoản nợ chung vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Quá trình giải quyết, ngày 14/10/2019 chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung, Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam không có yêu cầu độc lập và có đơn từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của Chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2010 tại UBND thị trấn C, huyện T, thành phố Hà Nội. Hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N và anh P đều đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N với anh Nguyễn Việt P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung: Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/3/2012 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 11/12/2014. Chị N và anh P đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung đến đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thị Minh N làm Kế toán tại UBND xã C1, huyện M thu nhập hàng tháng là 6.300.000 đồng, anh Nguyễn Việt P trình bày anh làm thợ đồ mỹ nghệ, thu nhập bình quân 1 tháng là 7.000.000 đồng. Tuy anh P có thu nhập cao hơn chị N nhưng công việc và chỗ làm không ổn định nên phần nào ảnh hưởng đến việc học hành của các con. Mặt khác, cháu D hiện đang còn nhỏ, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dạy và đảm bảo quyền lợi của các con, HĐXX cần giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Minh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến

khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Việt P phải chịu 75.000 đồng án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Việt P.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 18/3/2012 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Việt P được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu xem xét giải quyết.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh N về việc chia tài sản chung và nợ chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 7.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0003335 ngày 08/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk. Chị N được nhận lại số tiền 7.725.000 đồng.

Anh Nguyễn Việt P phải chịu 75.000 đồng án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C, huyện T, TP Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đình Nam